

Biểu tượng hoa trong truyện Kiều của Nguyễn Du Flower symbols in Kieu story of Nguyen Du Phạm Khánh Duy*

* Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Thành phố Cần Thơ
duygiangviennguvan@gmail.com

Ngày nhận bài:

04/01/2024

Ngày chấp nhận đăng:

07/3/2024

Keywords: Kieu Story,
Nguyen Du, symbol,
flowers, Nom story -
poetry.

ABSTRACT

Since its inception Kieu Story by the great poet Nguyen Du has been the pinnacle of Vietnamese literature and the pride of the Vietnamese people. The value of Kieu Story is partly enhanced by the fact that Nguyen Du exposed the real nature and cruel face of feudal society and showed his deep compassion for the fate of women leading miserable lives. Moreover, the beauty and uniqueness of the work is also emphasized with the artistic aspect, of which artistic symbolism is an important aspect. Reading Kieu Story, one can recognize many times Nguyen Du mentioned flowers as a symbol. Researching flower symbols, we discovered that underneath the symbol (flowers) are layers of symbolic meanings, such as natural beauty, human beauty, human condition, and the beauty of love between men and women. The study of flower symbols is important, contributing to reaffirming Nguyen Du's talent and the value of Kieu Story.

TÓM TẮT

Từ khi ra đời cho đến nay, Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du vẫn là đỉnh cao của văn học dân tộc, niềm tự hào của con người Việt Nam. Giá trị của Truyện Kiều không chỉ nằm ở việc Nguyễn Du đã vạch trần bản chất giả dối, bộ mặt tàn nhẫn của xã hội phong kiến và niềm cảm thương sâu sắc cho thân phận của người phụ nữ bị chà đạp, vùi dập đến bước đường cùng. Cái hay, cái độc đáo của tác phẩm còn nằm ở phương diện nghệ thuật, mà biểu tượng nghệ thuật là một khía cạnh quan trọng. Đọc Truyện Kiều, bất kể ai cũng có thể nhận ra không ít lần Nguyễn Du nhắc đến hoa với tư cách là một biểu tượng. Nghiên cứu biểu tượng hoa, chúng tôi phát hiện bên dưới cái biểu đạt (hoa) là những lớp nghĩa biểu trưng, chẳng hạn như biểu trưng cho vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người, thân phận con người, vẻ đẹp của tình yêu nam nữ. Việc nghiên cứu biểu tượng có ý nghĩa quan trọng, góp phần khẳng định lại lần nữa tài năng của Nguyễn Du và giá trị của Truyện Kiều.

Từ khóa: Truyện
Kiều, Nguyễn Du, biểu
tượng, hoa, truyện thơ
Nôm.

1. Giới thiệu

Tính đến nay, *Truyện Kiều* (còn có tên khác là *Đoạn trường tân thanh*) của đại thi hào Nguyễn Du đã tồn tại trong lòng dân tộc hơn hai trăm năm. Trong khoảng thời gian hơn hai trăm năm đó, có rất nhiều tác phẩm đã bị người đời quên lãng, thế nhưng *Truyện Kiều* của Nguyễn Du vẫn là một kiệt tác đỉnh cao của văn học Việt Nam. Nói cách

khác, *Truyện Kiều* có giá trị vượt thời gian, không gian. Thông qua 3254 câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã tái hiện toàn bộ bức tranh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX với những bất công, ngang trái. Nhà thơ phản ánh bộ mặt tàn bạo, bất nhân của giai cấp thống trị đã áp bức, bóc lột, đẩy đoạ, chà đạp lên thân thể, danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ, điển hình là Thuý Kiều. Tác phẩm

là sự kế thừa và phát triển tinh hoa văn học dân tộc, đặc biệt là chủ nghĩa hiện thực và nhân đạo. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không còn xa lạ gì với giới nghiên cứu, về biểu tượng trong *Truyện Kiều* cũng đã có một số nghiên cứu của Nguyễn Kim Châu (2020), Phạm Thị Thùy Linh (2016), Nguyễn Quang Huy (2020), Phạm Thị Huyền Trang (2020)... Thế nhưng, chúng tôi chưa tìm thấy công trình nghiên cứu riêng về hoa - một biểu tượng xuất hiện với tần suất dày đặc trong *Truyện Kiều*. Có chăng cũng chỉ đề cập đến hoặc khai thác “hoa” bằng lí thuyết ngôn ngữ học như nghiên cứu của Phạm Thị Huyền Trang (2020). Bài báo này sẽ giải mã biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, từ đó đi đến khẳng định *Truyện Kiều* như một thể giới của biểu tượng. Việc nghiên cứu biểu tượng văn học có ý nghĩa vô cùng quan trọng, chúng ta có thể khám phá được những tầng nghĩa sâu thẳm bên dưới mỗi biểu tượng và hiểu thêm về chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. Đồng thời, qua biểu tượng, ta có thể tiếp cận với những cơ tầng văn hóa vốn được hình thành từ ngàn đời. Trong *Truyện Kiều*, biểu tượng hoa có mối quan hệ mật thiết với vẻ đẹp, tài năng, đặc biệt là số phận trớ trêu, phiêu bạt của nàng Kiều; đồng thời góp phần chuyển tải tư tưởng sâu sắc của Nguyễn Du.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thống kê, phân loại*: người viết tiến hành thống kê những câu thơ có sự xuất hiện của biểu tượng hoa trong toàn bộ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đồng thời phân loại ra theo từng lớp nghĩa: biểu tượng của thiên nhiên, biểu tượng con người, biểu tượng tình yêu.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: người viết sử dụng phương pháp này để phân tích, giải mã biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* theo từng trường hợp cụ thể, từ đó rút ra ý nghĩa, giá trị biểu đạt của biểu tượng hoa.

- *Phương pháp so sánh*: phương pháp này hỗ trợ cho người viết trong việc so sánh biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du với những tác phẩm văn học cùng thời như *Chinh phụ ngâm khúc* (Bản diễn Nôm - Đoàn Thị Điểm (?))... Qua đó, ta có thể thấy được cái riêng, cái độc đáo, sáng tạo của Nguyễn Du.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Vài nét về biểu tượng

Biểu tượng (*Symbol*) là một trong những phương diện quan trọng của học thuyết phân

tâm học do học giả người Áo Sigmund Freud đề xướng từ những năm đầu của thế kỷ XX. Nhìn chung, biểu tượng là những biểu trưng, tượng trưng, ký hiệu, dấu hiệu hay mẫu tượng... mang tính thẩm mỹ và tính chủ quan của người sáng tạo. Biểu tượng là “lớp vỏ” bao bọc những vỉa tầng và những vỉa tầng này có khả năng tác động sâu xa vào tư tưởng, tình cảm, tư duy của con người. Nguồn gốc của biểu tượng là văn hóa, thoát thai từ văn hóa, tồn tại trong ký ức nhân loại (vô thức tập thể) suốt quá trình phát triển và biến động của lịch sử và loài người.

Cha đẻ của học thuyết phân tâm học hiện đại - Sigmund Freud cho rằng “*biểu tượng diễn đạt một cách gián tiếp, bóng gió và ít nhiều khó nhận ra, niềm ham muốn hay các xung đột*” (Anthony Stevens, 2020, tr.xxiv). Đồng thời, Freud cũng khẳng định: “*Biểu tượng là mối liên kết thống nhất nội dung rõ rệt của một hành vi, một tư tưởng, một lời nói với ý nghĩa tiềm ẩn của chúng... Khi ta nhận ra, chẳng hạn trong một hành vi, ít nhất là có hai phần ý nghĩa mà phần này thể chỗ phần kia bằng cách vừa che lấp, vừa bộc lộ phần kia ra, ta có thể gọi mối quan hệ giữa chúng là tính biểu tượng.*” (Anthony Stevens, 2020, tr.xxi). Vậy, Freud đã nhấn mạnh mối quan hệ giữa cái cụ thể và cái tiềm ẩn có trong mỗi biểu tượng. Kế thừa và phát triển những nghiên cứu của Freud, học giả người Thụy Sĩ Carl Jung cho rằng: “*biểu tượng là những thực thể sống, chúng tìm cách diễn tả một điều trước đó chúng ta không biết*” (Anthony Stevens, 2020, tr.178). Nhóm tác giả Jean Chevalier và Main Gheerbrant đã cụ thể hơn luận giải của Jung bằng nhận định: “*Biểu tượng chia ra và kết lại với nhau, nó chứa hai ý tưởng phân li và tái hợp, gợi lên ý một cộng đồng, đã bị chia tách và có thể tái hình thành. Mọi biểu tượng đều chứa đựng dấu hiệu bị đập vỡ, ý nghĩa của biểu tượng bộc lộ ra trong cái vừa là gãy vỡ vừa là nối kết, những phần của nó đã bị vỡ ra*” (Jean Chevalier & Main Gheerbrant, 1997, tr.xxiii).

Hình tượng (*Image*), biểu tượng (*Symbol*) và cổ mẫu (*Archetype*) là những sản phẩm của phân tâm học. Đặc biệt, biểu tượng và cổ mẫu có mối tiệm cận với nhau, nói đúng hơn, giữa chúng là một ranh giới khá nhòe. Để hiểu rõ hơn về biểu tượng, cần đặt thuật ngữ này trong mối tương quan với cổ mẫu. Có thể thấy, cổ mẫu là “*những cấu trúc tinh thần đồng nhất mà tất cả đều có, cùng nhau tạo thành sự kế thừa cổ xưa của nhân loại*”

(Anthony Stevens, 2020, tr.81). Bên cạnh đó, trong bài viết *Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam*, Nguyễn Thị Thanh Xuân cho rằng cổ mẫu còn là “*những biểu tượng lớn có cội nguồn từ xa xưa, thoát thai từ vô thức (chứ không phải ý thức) và là vô thức tập thể*” (Nhiều tác giả, 2009, tr.173). Trong khi đó, biểu tượng lại “*có khả năng biểu đạt một ý nghĩa có tính bền vững và phổ quát*” (Nhiều tác giả, 2009, tr.73). Xét về vị trí, biểu tượng nằm trung gian giữa hình tượng và cổ mẫu, là nền tảng của cổ mẫu, nhưng tính khái quát không cao bằng cổ mẫu.

Trong văn chương, biểu tượng đóng vai trò là cái biểu đạt (*Signifiant*) bằng ngôn từ nghệ thuật. Ở Việt Nam, *Từ ký hiệu đến biểu tượng* của Trịnh Bá Đĩnh là công trình nghiên cứu biểu tượng nổi tiếng. Trịnh Bá Đĩnh lí giải: “*Hình tượng là sự chụp ảnh tái tạo hiện thực, là sự ngưng đọng của hiện thực. Ở hình tượng, dấu ấn cá nhân sáng tạo của nghệ sĩ nổi bật, trong khi đó ở biểu tượng dấu ấn cộng đồng lại chiếm ưu thế. Nhìn chung, việc phân biệt hình tượng nghệ thuật và biểu tượng nghệ thuật không phải lúc nào cũng rạch ròi. Sự lặp lại nhiều lần của một hình tượng nào đó cũng có thể biến nó thành biểu tượng*” (Trịnh Bá Đĩnh, 2017, tr.26). Ngoài ra, trong bài viết *Biểu tượng phân tâm học*, Trần Thiện Khanh cho rằng: “*Biểu tượng trong phân tâm học là sự thay thế của cái biểu đạt này bằng cái biểu đạt; ở đó, cái được biểu đạt luôn vắng mặt, cái biểu đạt xuất hiện như là cái kí hiệu ám chỉ*” (Hồ Thế Hà & Nguyễn Thành, 2014, tr.66). Khi sáng tạo, sinh thành tác phẩm nghệ thuật, nhà văn đã đưa biểu tượng đi xa khỏi

khởi nguyên của nó (mẫu gốc) để biểu đạt những điều rộng lớn, khái quát hơn, gắn liền với văn hóa, tôn giáo, những kí ức, ham muốn, trải nghiệm ẩn tượng hoặc xung đột trong những hoàn cảnh khác nhau. Thông qua đây, văn học sẽ làm tròn sứ mệnh phản ánh hiện thực cuộc sống và con người, gửi gắm những thông điệp vô cùng nhân văn, cao quý.

3.2. Ý nghĩa của biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

3.2.1. Hoa - biểu tượng của vẻ đẹp thiên nhiên và dòng chảy của thời gian

Trước hết, hoa trong *Truyện Kiều* là biểu tượng ước lệ cho vẻ đẹp của tự nhiên. Ước lệ, tượng trưng vốn là bút pháp quen thuộc trong thơ ca trung đại. Với bút pháp này, Nguyễn Du chọn lọc hình ảnh để làm nổi bật linh hồn của thiên nhiên tạo vật. Kết hợp với bút pháp tả cảnh ngụ tình, bề ngoài nhà thơ tả cảnh nhưng thực chất là thể hiện tâm trạng, cảm xúc của con người trong mối tương quan với khung cảnh thiên nhiên. Xuất hiện như một biểu tượng đẹp của thiên nhiên, tùy vào cung bậc tâm trạng, cảm xúc của nhân vật mà hoa trong *Truyện Kiều* được gọi tả với dáng dấp, trạng thái khác nhau, góp phần tạo dựng không gian nghệ thuật đậm chất cổ điển. Hoàng Thị Thu Hà cho rằng: “*Khi xây dựng những nhân vật chính diện, Nguyễn Du đã để họ tồn tại trong một môi trường tự nhiên khá đẹp. Bao quanh họ là những màu sắc thiên nhiên diễm lệ. Trước khi những nhân vật này xuất hiện*” (Hoàng Thị Thu Hà, 2016, tr.61). Xem xét biểu tượng hoa biểu hiện vẻ đẹp của thiên nhiên (hơn 20 lần), chúng tôi có bảng thống kê (lược trích) sau:

Bảng 1: Sự xuất hiện của hoa như biểu tượng đẹp của thiên nhiên trong *Truyện Kiều*

Khung cảnh/ Sự kiện	Trích thơ	Thứ tự câu
Mùa xuân	- <i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa</i> - <i>Hải đường là ngọn đông lân</i>	42 150
Mộ Đạm Tiên	<i>Gió hiu hiu thổi một vài bông lau</i>	83
Nhà Kiều	- <i>Nách tường bông liễu bay sang láng giềng</i>	210
	- <i>Một cây cù mọc một sân quế hòe</i>	2379
	- <i>Kiều từ trở gót trướng hoa</i>	146
	- <i>Kiều hoa đặt trước thềm hoa</i>	2145
	- <i>Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng</i>	634
	- <i>Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông</i>	2748
Nhà Kim Trọng	- <i>Đầy thềm hoa rụng biết người ở đâu</i>	240
	- <i>Vội vàng lá rụng hoa rơi</i>	310
	- <i>Cách hoa sẽ dậy tiếng vàng</i>	379-380
	<i>Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông</i>	

Lầu Ngưng Bích	- <i>Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành</i>	192
Nơi Kiều và Thúc Sinh hò hẹn	- <i>Hải đường môn môn cành tơ</i>	1283
	- <i>Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông</i>	1308
	- <i>Sen tàn cúc lại nở hoa</i>	1795
Vườn nhà Hoạn Thư	- <i>Có cây trăm thước có hoa bốn mùa</i>	1914

Từ bảng thống kê trên, có thể thấy:

Thứ nhất, biểu tượng hoa chủ yếu tập trung từ đầu tác phẩm cho đến sự kiện Kiều rời khỏi nhà Hoạn Thư. Khi tạo dựng không gian nghệ thuật làm phong nền cho sự xuất hiện của nhân vật Từ Hải, Nguyễn Du hạn chế sử dụng hoa như một biểu tượng đẹp, lãng mạn, tinh tú của thiên nhiên. Vấn đề này xuất phát từ tính cách của nhân vật. Trong hệ thống nhân vật nam gắn bó mật thiết với cuộc đời nàng Kiều, Kim Trọng, Thúc Sinh (thậm chí là Mã Giám Sinh) được xây dựng theo kiểu thư sinh, thanh lịch, nho nhã; trong khi đó, Từ Hải thuộc kiểu nhân vật anh hùng, trượng phu, tráng sĩ (“râu hùm, hàm én”, “đội trời đạp đất”).

Thứ hai, trong mối quan hệ với thiên nhiên, biểu tượng hoa có khi được **gọi chung là hoa**, có khi được **gọi tên cụ thể** (hoa lê, hải đường, hoa lau, hoa liễu, hoa quế, hoa hòe, hoa đào, trà mi, hoa lựu, sen, cúc...), cũng có khi **gắn với một sự vật cụ thể** nào đó (trưởng hoa, thềm hoa, sân hoa...). Nghệ thuật ước lệ, tượng trưng được thể hiện ở chỗ Nguyễn Du mượn hoa để làm nổi bật nét đặc trưng của từng mùa, mỗi mùa một vẻ riêng (*hoa đào, hải đường, hoa lê trắng* - mùa xuân; *hoa sen, hoa lựu, hoa hòe* - mùa hạ; *hoa cúc* - mùa thu). Điều quan trọng hơn cả, nhà thơ không tả chính vẻ đẹp của loài hoa đó mà nói đến sự chuyển biến của đất trời và sự tác động của khung cảnh thiên nhiên vào tâm trạng nhân vật trữ tình, đặc biệt là nàng Kiều. Rõ ràng, tâm trạng người ngắm cảnh có ảnh hưởng rất lớn đến những cảm nhận về cảnh sắc thiên nhiên. Điều đó đã được Nguyễn Du đúc kết thành trong hai câu thơ: “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*” (câu 1093-1094). Ở giai đoạn bình yên, trong mắt Thúy Kiều, cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp trong sáng, thuần khiết, lung linh, làm say đắm lòng người. Từ yên bình chuyển sang sóng gió, hoa trong mắt nhìn và cảm nhận của nhân vật trữ tình cũng trở nên buồn bã, lẻ loi. Trở lại vườn Thúy, Kim Trọng nhận ra cảnh cũ, hoa đào vẫn nở đẹp nhưng người xưa (Thúy Kiều) không còn: “***Hoa đào** năm ngoái còn cười gió đông*” (câu 2748). Hoa đào điểm xuyết cho không gian mùa xuân

thêm đẹp và lộng lẫy, tràn đầy sức sống, nhưng thấm đẫm một nỗi buồn man mác. Khung cảnh lầu Ngưng Bích hay vườn nhà Hoạn Thư đẹp đẽ và giao hòa với thiên nhiên, nhưng không thể khiến Kiều vui say thường ngoạn. Sự xuất hiện của “đóa trà mi” ở thanh lâu (“*Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành*” - câu 192), hay “hoa bốn mùa” trong vườn Hoạn Thư (“*Có cây trăm thước có **hoa bốn mùa***” - câu 1914) không thể làm Thúy Kiều vui đi nỗi đau thân phận. Hoa được Nguyễn Du miêu tả trong mối quan hệ tương tác với vũ trụ (trăng, bốn mùa). Thông qua mối quan hệ biện chứng này, Nguyễn Du cho thấy quan niệm về cái đẹp không chỉ của riêng đại thi hào mà của những tác giả thời trung đại, đó là sự sống đôi giữa **cái đẹp** và **cái buồn**. Chính vì thế, dù con người có gặp nhiều biến cố trong cuộc đời, thì qua góc nhìn của họ, cảnh thiên nhiên vẫn đẹp lung linh, rạng rỡ chứ không hề tàn tạ.

Ngoài ra, khi nghiên cứu biểu tượng hoa trong Truyện Kiều, chúng tôi còn nhận ra một đôi chỗ Nguyễn Du mượn hoa để nói về sự chuyển biến tuần hoàn, chóng vánh của thời gian. Nhà thơ đã lấy thời gian làm thước đo cho nỗi nhớ của nàng Kiều dành cho Kim Trọng: “*Lần lần ngày gió đêm trôi/ Thưa hồng rậm lục nửa chừng xuân qua*” (câu 369-370). Trong thơ Hàn Tông (đời Đường, Trung Quốc), “thưa hồng rậm lục” vốn được viết là “lục ám chi hồng” (绿暗红稀), nhằm ám chỉ xuân đã trôi qua. Hay, khi Kiều cảm nhận thời gian trong lúc đợi tin Thúc Sinh từ Lâm Tri, vòng tuần hoàn “sen tàn” (hạ đi qua), “cúc lại nở hoa” (thu đến), “đông đã sang xuân” (đông hết, xuân sang) cho thấy sự môi mơn, vô vọng của cuộc đợi chờ. Ẩn sâu bên trong là niềm khát khao hạnh phúc của Thúy Kiều. Thiên nhiên (trong đó có hoa) như dấu hiện thời gian của người trung đại.

Ở lớp nghĩa đầu tiên của biểu tượng hoa mà chúng tôi vừa xem xét bên trên, tác giả Phạm Thị Huyền Trang cho rằng hoa chính là “*hiện thân của sự sống*”, “*với thuộc tính đẹp điển hình, hoa là biểu tượng của cái đẹp, của trạng thái thiên đường mặt đất*”, “*với tính chất không bền vững, mau nở, nhanh tàn, hoa trở thành biểu tượng về*

phút giây thoáng chốc” (Phạm Thị Huyền Trang, 2020). Quả thật vậy, biểu tượng hoa chẳng những góp phần tô điểm cho bức tranh thiên nhiên, tạo dựng không gian nghệ thuật trong *Truyện Kiều*, mà còn là “cái biểu đạt” để Nguyễn Du thể hiện quan niệm cái đẹp, sự sống và thời gian.

3.2.2. Hoa - biểu tượng của tình yêu

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du vừa kế thừa thành tựu của văn học, văn hóa dân gian, vừa sáng tạo nhiều biểu tượng/cặp biểu tượng với ý nghĩa khẳng định tình yêu nồng nàn, sắt son, khát vọng được gắn bó bền chặt của đôi lứa, chẳng hạn cặp biểu tượng **trúc - mai**: “*Một nhà sum họp trúc mai/ Càng sâu nghĩa bể càng dày tình sông*” (câu 1381-1382), **phượng - loan**: “*Sẵn sàng phượng liền loan nghi/ Hoa qua pháp phối hà y rõ ràng*” (câu 1866-1867)... Trong đó, hoa cũng là một biểu tượng của tình yêu đôi lứa. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* có viết, hoa “là biểu tượng của tình yêu và sự hài hòa đặc trưng cho bản chất nguyên khởi” (Jean Chavalier & Main Gheerbran, 1997, tr.196). Cuộc đời của nhân vật Thúy Kiều trải qua ba mối tình: Thúy Kiều - Kim Trọng, Thúy Kiều - Thúc Sinh, Thúy Kiều - Từ Hải. Tuy nhiên, biểu tượng hoa chỉ xuất hiện trong những trường đoạn tái hiện mối quan hệ tình yêu giữa Thúy Kiều - Kim Trọng và Thúy Kiều - Thúc Sinh. Ở mối tình Thúy Kiều - Từ Hải, biểu tượng hoa vắng bóng, thay vào đó là cặp biểu tượng phượng - loan, phượng - rồng: “*Trai anh hùng, gái thuyền quyên/ Phỉ nguyên sánh phượng đẹp duyên cười rồng*” (câu 2207-2208).

Mối tình đẹp nhất, khiến nàng Kiều hạnh phúc nhất và cũng day dứt nhất là mối tình với Kim Trọng. Khi miêu tả tình yêu nồng nàn, tha thiết mà Thúy Kiều phải đánh đổi bằng việc vượt khỏi rào cản của lễ giáo phong kiến để “trở đường tìm hoa”, Nguyễn Du đã sử dụng biểu tượng hoa: “*Hoa hương càng tỏ thức hồng/ Đầu mày cuối mắt càng nồng tâm yêu/ Sóng tình dường đã xiêu xiêu/ Xem trong âu yếm có chiều là lời*” (câu 424-427). Trong cuốn *Truyện Kiều chú giải*, Lê Văn Hòe có giải thích: “*Tình yêu của Kim Trọng đối với Thúy Kiều lộ ra nồng nàn ở những cái liếc nhìn lảng lơ, tình tứ*” (Lê Văn Hòe, 1953, tr.103). Qua hai câu thơ: “*Vẽ chi một đoá yêu đào/ Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh*” (câu 430-431), sự mãnh liệt, nồng nàn trong tình yêu càng hiện ra rõ hơn, khi nhân vật Thúy Kiều không còn ý thức được ranh giới ngăn cách giới tính mà người xưa gọi là “nam

nữ thụ thụ bất thân” được ghi chép trong *Mạnh Tử - Ly Lâu thượng*. Học giả Lê Văn Hòe cho rằng, “vườn hồng” trong câu thơ “*Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh*” (câu 431) không phải là hoa hồng mà là hoa đào (loài hoa yêu thích của Nguyễn Du): “*Vườn hồng không phải là vườn hoa hồng, mà là vườn hoa đào, vì hoa đào sắc hồng. Vườn hồng ẩn ý với yêu đào ở câu trên*” (Lê Văn Hòe, 1953, tr.106). Có thể thấy, thay vì cặp biểu tượng loan - phượng hay phượng - rồng ẩn dụ cho tình yêu của Thúy Kiều và Từ Hải, biểu tượng hoa nói chung và **hoa đào - chim xanh** nói riêng tượng trưng cho tình yêu, sự hiến dâng bất tận và khát vọng được gắn kết trọn đời của Thúy Kiều và Kim Trọng. Nguyễn Du sử dụng biểu tượng hoa đào ẩn chỉ tình yêu Thúy Kiều - Kim Trọng hoàn toàn hợp lý và logic. Ở phần đầu *Truyện Kiều*, Nguyễn Du thường ví von về đẹp và tiết hạnh của nàng Kiều với hoa đào (“*một đoá yêu đào*”, “*nhị đào thà bẻ cho người tình chung*”...); bên cạnh đó, trong thơ cổ, hoa đào thường gắn liền với những tâm hồn nhỏ nhả, bậc trí thức phong lưu (“*Khử niên kim nhật thử môn trung/ Nhân diện đào hoa tương ánh hồng/ Nhân diện bất tri hà xứ khứ/ Đào hoa y cựu tiếu đông phong*” - Thôi Hộ), ở đây là chàng thư sinh Kim Trọng. Hoa tiếp tục biểu trưng cho tình yêu của Thúy Kiều và Thúc Sinh. Biểu tượng **hoa** không đứng riêng biệt mà được Nguyễn Du gắn kết cùng biểu tượng **nguyệt** (trăng): “*Nguyệt hoa, hoa nguyệt nảo nùng/ Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng!*” (câu 1132-1133). Sự nối kết, hòa quyện giữa “nguyệt” và “hoa” góp phần gợi tả cảnh ân ái mặn nồng giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh. Tính từ “nảo nùng” đã vượt khỏi tầng nghĩa buồn bã, ủ dột, trở thành từ ngữ chỉ mối tình thâm thía, say sưa. Cùng là biểu tượng “nguyệt hoa, hoa nguyệt”, song hai câu thơ của Đoàn Thị Điểm (?) trong bản diễn Nôm *Chinh phụ ngâm khúc* lại mang ý nghĩa khác: “*Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng/ Nguyệt hoa, dưới nguyệt trong lòng xiết đau*” (câu 227-228). Nguyệt - hoa ở đây biểu trưng cho những kỷ niệm đẹp trong lòng người chinh phụ. Những kỷ niệm ấy được gợi thức trong lúc người chồng đi xa, người vợ sống một mình trong cảnh phòng không. Vì thế, việc lặp lại và đảo lộn trật tự của biểu tượng nguyệt, hoa chỉ khiến câu thơ thêm buồn đau, bi thiết.

Nhìn chung, sự xuất hiện của hoa như một biểu tượng cho tình yêu đôi lứa trong *Truyện Kiều* có phần ít hơn so với những lớp nghĩa chúng tôi

đã phân tích trước đó: hoa đại diện cho vẻ đẹp của thiên nhiên, hoa là chuẩn mực cho vẻ đẹp của Thúy Kiều, hoa tượng trưng cho thân phận nàng Kiều. Thế nhưng, việc tái hiện hoa với vai trò là biểu tượng tình yêu cũng là sự sáng tạo của Nguyễn Du, góp phần làm phong phú thêm thế giới biểu tượng trong *Truyện Kiều*.

3.2.3. Hoa - biểu tượng của vẻ đẹp và thân phận con người

Lấy tự nhiên làm chuẩn mực cho vẻ đẹp của con người vốn là đặc trưng nghệ thuật trong thơ trung đại. Biểu tượng hoa có mặt ở những chi tiết gợi tả vẻ đẹp của nhân vật nữ trong *Truyện Kiều*, đặc biệt là nhan sắc Thúy Vân, Thúy Kiều. Việc Nguyễn Du chọn hoa làm đối tượng đối sánh với vẻ đẹp của nhân vật nữ cũng là điều dễ hiểu, bởi trong tâm thức dân tộc, hoa vốn mang “tính nữ”, đại diện cho vẻ đẹp kiều sa, quyến rũ, mỹ miều, yêu kiều của người con gái. Mượn hoa để miêu tả hoặc ẩn dụ cho vẻ đẹp của người phụ nữ là cách thể hiện quen thuộc trong thơ trung đại. Trong *Chinh phụ ngâm* (Bản diễn Nôm của Đoàn Thị Điểm(?)), hoa cũng gắn chặt với hình ảnh người chinh phụ: “*Hương dương lòng thiếp như hoa/ Lòng chàng lẫn thân e tà bóng dương/ Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái/ Hoa để vàng bởi tại bóng dương/ Hoa vàng hoa rụng quanh tường/ Trãi xem hoa rụng đêm sương mấy lần*” (câu 303-308). Trở lại với *Truyện Kiều*, dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du, nụ cười của Thúy Vân đẹp như hoa: “*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*” (câu 21), còn sắc đẹp của Thúy Kiều thì hơn cả “hoa”, “liều”: “*Hoa ghen đua thắm, liễu hờn kém xanh*” (câu 26). Đặc biệt, rất nhiều lần Nguyễn Du để hoa trở thành đối tượng mà Nguyễn Du lựa chọn để đặc tả dáng vóc, bộ phận cơ thể của nhân vật Thúy

Kiều. Chẳng hạn, gót chân Kiều là “gót sen”: “*Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mái tường*” (câu 323), tiếng bước chân Kiều là “tiếng sen”: “*Tiếng sen sẽ động giấc hòe/ Bóng trắng đã xé hoa lê lại gần*” (câu 437-438), nước mắt Kiều là “lệ hoa”: “*Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng*” (câu 634), sắc mặt và dáng vẻ Kiều được so sánh như “nét hoa”, hoa cúc, hoa/cây mai: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*” (câu 17), “*Lại càng ủ dột nét hoa*” (câu 103), “*Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai*” (câu 548), phẩm tiết của Kiều là “nhị đào”: “*Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*” (câu 690)... Thậm chí, một đôi chỗ, thay vì gọi Kiều bằng tên hoặc một đại từ nhân xưng thì Nguyễn Du lại gọi bằng tên loài hoa đẹp và quý: “*Bóng hồng nhác thấy nẻo xa*” (câu 137), “*Nặng lòng xót liễu vì hoa*” (câu 289), “*Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay*” (câu 1109), “*Tiệc thay một đóa trà mi*” (câu 845), “*Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây*” (câu 587)... Có thể khẳng định, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là thế giới của muôn loài hoa, ở những thời điểm khác nhau (nụ, nở, tàn), được nhà thơ kết hợp hài hòa, hợp lý và có giá trị biểu đạt cao.

Nhưng trên hết, biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* góp phần làm nổi bật thân phận của nàng Kiều. Cuộc đời Thúy Kiều là “đoạn trường tân thanh” (tiếng thét gào đứt ruột) với “*Mười lăm năm bấy nhiêu lần/ Làm gương cho khách hồng quần thử soi*” (câu 2103-2104). Để khắc họa thân phận của Thúy Kiều với bi kịch mười lăm năm lênh dênh, phiêu bạt, trôi nổi, bị đầy đoạ, vùi dập, Nguyễn Du đã ví phận nàng Kiều với sự mong manh, dễ vỡ, vẻ đẹp, chóng nở, chóng tàn của loài hoa. Khảo sát biểu tượng hoa với ý nghĩa khắc đậm thân phận nhân vật Thúy Kiều trong tác phẩm, chúng tôi thống kê lại trong bảng dưới đây:

Bảng 2: Sự xuất hiện và trạng thái của hoa với ý nghĩa ẩn dụ cho thân phận nàng Kiều trong *Truyện Kiều*

STT	Biểu tượng hoa - thân phận nàng Kiều	Thứ tự câu	Trạng thái
1	<i>Hoa trôi bèo dạt đã đành</i>	192	<i>trôi, dạt</i>
2	<i>Hoa trôi trác thắm, liễu xơ xác vàng</i>	572	<i>trôi, xơ xác</i>
3	<i>Nhìn hoa bóng thẹn trông gương mặt dày</i>	636	<i>thẹn</i>
4	<i>Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây</i>	586	<i>rã cánh</i>
5	<i>Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng</i>	754	<i>trôi lỡ làng</i>
6	<i>Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn</i>	716	<i>đem bán</i>

7	Về đây nước trước bẻ hoa	827	bẻ
8	Sợ gan nát ngọc liễu hoa	983	liễu
9	Hoa trôi man mác biết là về đâu	925	trôi, biết là về đâu
10	Hoa sao hoa khéo đoạ đầy bấy hoa	1068	đọa đầy
12	Đang tay vui liễu dập hoa toi bời	1136	vui, dập, toi bời
13	Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau	1008	rụng, rời
14	Chơi cho liễu chán hoa chê	1211	chán, chê
15	Giờ sao tan tác như hoa giữa đường	1086	tan tác
16	Thiếp như hoa đã lìa cành	1325	lìa cành
17	Sá chi liễu ngõ hoa tường	1355	ngõ, tường (rẻ mặt)
18	Tuồng chi hoa thãi huơng thừa	1413	thãi, thừa
19	Để ai trắng tui hoa sâu vì ai	1436	sâu
20	Nước trôi hoa rụng đã yên	1451	rụng
21	Cũng liễu ngọc nát hoa tàn mà chi	1766	tàn
22	Rộng thương cỏ nội hoa hèn	2197	hèn
23	Nàng càng ủ liễu phai đào	2019	ủ, phai
24	Để cho đến nổi hoa trôi dạt bèo	2812	trôi, dạt
25	Hoa trôi nước chảy xuôi dòng	2940	trôi
26	Rõ ràng hoa rụng huơng bay	2997	rụng, bay
27	Bấy chầy dãi nguyệt dẫu hoa	2280	bấy chầy
28	Nàng rằng: chút phận hoa rơi	3035	rơi
29	Mấy trắng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn	2317	tàn
30	Hoa tàn mà lại thêm tươi	2329	tàn, tươi
31	Vớt huơng dưới đất bẻ hoa cuối mùa	3154	vớt, bẻ, cuối mùa

Qua thống kê trên, có thể nhận thấy, khi biểu hiện cuộc đời và thân phận của nhân vật Thúy Kiều, hoa đóng vai trò là “cái biểu đạt”, còn thân phận chìm nổi, bất hạnh, trôi dạt, bị chà đạp danh dự, nhân phẩm của nhân vật Thúy Kiều chính là “cái được biểu đạt”. Mặc dù ở đây, hoa vẫn biểu trưng cho cái đẹp, song đối nghịch hoàn toàn với biểu tượng hoa trong mối quan hệ với khung cảnh thiên nhiên. Khi ẩn dụ cho thân phận nàng Kiều, hoa không còn được miêu tả với vẻ đẹp kiêu sa, đài các, mỹ miều, cũng không hẳn là một chinh thể toàn vẹn nữa mà trở nên **vô định** (“đem bán”, “trôi”, “dạt”...), **phụ thuộc** (“bẻ”, “vớt”...), **tàn tạ** (“xơ xác”, “rã”, “tan tác”, “lìa”, “rụng”, “rơi”, “ủ”, “phai”, “bấy chầy”...). Nguyễn Du là một trong

những hiện tượng “mượn giọng nữ” phổ biến trong văn học trung đại thế kỷ XVIII - XIX, nhằm cảm nhận rõ thân phận rẻ rúng, giá trị nhân phẩm bị giảm sút (“hoa thãi hương thừa”, “hoa cuối mùa”), từ đó khơi lên nỗi đau xót tột cùng của nhân vật. Khi tái hiện trạng thái của hoa (thân phận nàng Kiều), chữ “trôi” xuất hiện hơn sáu lần với những cấp độ khác nhau như “trôi man mác”, “trôi lơ lửng” hoặc đơn giản là “hoa trôi” nhưng mở ra tâm trạng cô đơn, lẻ loi, sự mất tự do, bị xô đẩy dữ dội của người phụ nữ “hồng nhan bạc mệnh”. Xuyên suốt mười lăm năm lưu lạc của nàng Kiều, việc Nguyễn Du mượn hoa để ẩn dụ thân phận nàng Kiều không còn mang ý nghĩa thể hiện vẻ đẹp, sự cao quý, mà là những nhận thức về thân phận nhỏ

nhỏ, hèn mọn của người con gái: “*Thiếp như hoa đã lìa cành/ Chàng như con bướm lượn vành mà chơi*” (câu 1325-1326), “*Nàng rằng: chút phận hoa rơi/ Nửa đời nếm trái mọi mùi đắng cay*” (câu 3035-3036).

Từ việc xây dựng biểu tượng hoa ẩn dụ cho thân phận nàng Kiều, Nguyễn Du đã khái quát lên thành thân phận chung của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đồng thời vạch trần bộ mặt tàn độc của giai cấp thống trị giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Nhóm tác giả cuốn *Lược sử văn học Việt Nam* đã khẳng định: “Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy rằng, xã hội được phản ánh trong *Truyện Kiều* là một xã hội hiểm ác, phi nhân tính” (Trần Đình Sử, 2021, tr.136), “*Đó là một xã hội mà đâu đâu cũng thấy lâu xanh với những kẻ chuyên lừa đảo, vu oan giá họa, những kẻ ‘buôn thịt, bán người’ sống ngoài vòng pháp luật, những kẻ có quyền đốt nhà, giết người, đẩy người lương thiện đến bước đường cùng*” (Trần Đình Sử, 2021, tr.136).

4. Kết luận

Như chúng tôi đã khẳng định, *Truyện Kiều* là thế giới của biểu tượng. Đáng kể đến là biểu tượng về bèo, con ong, cái kiến, nắng, gió, sông, sóng, tuyết, sương, tiếng đàn, nước mắt, cánh chim, lửa... Trong đó, hoa là biểu tượng phổ biến, với số lần xuất hiện khá nhiều, mở ra nhiều tầng

ý nghĩa: (1) hoa là biểu tượng của vẻ đẹp thiên nhiên, (2) hoa là biểu tượng đẹp của tình yêu đôi lứa, (3) hoa là biểu tượng của vẻ đẹp và thân phận nàng Kiều. Việc nghiên cứu biểu tượng hoa trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Từ đây, ta có thể thấy được những cảm nhận độc đáo của Nguyễn Du về thiên nhiên, thời gian, con người, tình yêu. Nhận xét về biểu tượng (nói chung) trong *Truyện Kiều*, Phạm Thị Thùy Linh đã khẳng định: “*Những biểu tượng này không phải đến Nguyễn Du mới tạo ra, mà ta đã gặp trong văn học dân gian hay văn học bác học nhưng ông đã dùng theo cách mới, đã sáng tạo lại những biểu tượng mang tính truyền thống đó tạo nên hiệu quả nghệ thuật mạnh mẽ*” (Phạm Thị Thùy Linh, 2016, tr.86). Những biểu tượng trong *Truyện Kiều* chính là sự kế thừa tinh hoa của văn học dân gian, vốn được so sánh với “bầu sữa nóng” nuôi dưỡng bộ phận văn học viết, đồng thời là sự sáng tạo, thể nghiệm mới của Nguyễn Du. Qua đây, ta thấy được tài năng bậc thầy của đại thi hào Nguyễn Du. Hơn hai trăm năm, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du vẫn giữ nguyên vẹn giá trị của nó, bản thân tác phẩm đã trở thành biểu tượng, tượng đài của văn học dân tộc. Vì điều đó, đến thời điểm hiện tại, *Truyện Kiều* vẫn luôn là đối tượng nghiên cứu hàng đầu của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học, các nhà “Kiều học” trong nước và trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anthony Stevens. (2020). *Dẫn luận về Jung*. TP. HCM: NXB Hồng Đức.
- Hoàng Thị Thu Hà. (2016). *Bút pháp tả cảnh ngụ tình từ Chinh phụ ngâm (Bản diễn Nôm) của Đoàn Thị Điểm đến Truyện Kiều của Nguyễn Du*. [Luận văn Thạc sĩ Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam]. vnnghiep.vn.
- Hồ Thế Hà & Nguyễn Thành. (Chủ biên). (2014). *Phân tâm học với văn học*. Huế: NXB Đại học Huế.
- Jean Chavalier & Main Gheerbran. (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng và Trường viết văn Nguyễn Du.
- Lê Văn Hòe. (1953). *Truyện Kiều chú giải*. Hà Nội: Quốc học Thư xã.
- Nguyễn Kim Châu. (2020). *Văn học cổ Việt Nam và Trung Hoa - Những hướng tiếp cận*. TP. HCM: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quang Huy. (2020). Biểu tượng Trăng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Tạp chí Khoa học Xã hội Nhân văn và Giáo dục*, tập 10, 55-61.
- Nhiều tác giả. (2009). *Nghiên cứu Văn học Việt Nam - Những khả năng và thách thức*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Phạm Thị Huyền Trang. (2020, 10-15). *Khả năng liên tưởng nghĩa của từ “Hoa” trong Truyện Kiều*. Khoa ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

<http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAn-c%E1%BB%A9u/Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF/p/kha-nang-lien-tuong-nghia-cua-tu-hoa-trong-truyen-kieu-857>

Phạm Thị Thùy Linh. (2016). *Biểu tượng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du*. [Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội]. Đại học quốc gia Hà Nội.

Trần Đình Sử. (Chủ biên). (2021). *Lược sử Văn học Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Trịnh Bá Đĩnh. (2017). *Từ ký hiệu đến biểu tượng*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.